

Số: /BC-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO TÓM TẮT**Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 06 tháng đầu năm 2026****I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

- Trong 06 tháng đầu năm 2026, công tác CCHC tiếp tục được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xác định là một trong những trọng tâm chỉ đạo điều hành nhằm thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, quyết định quan trọng, tập trung chỉ đạo đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, tháo gỡ các điểm nghẽn về pháp luật; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính (TTHC) gắn với tái cấu trúc quy trình, chuyển đổi số, đặc biệt là cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh; tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát; đẩy mạnh xây dựng Chính phủ số, phát triển, kết nối và khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo) đã tổ chức **04** Phiên họp¹. Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực CCHC của Chính phủ, Bộ Nội vụ đã chủ động, tích cực hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi tình hình, kết quả triển khai công tác CCHC của các bộ, ngành, địa phương.

- Trong 06 tháng đầu năm 2026, các bộ, ngành, địa phương đã ban hành tổng số **2.714** văn bản (giảm 71 văn bản so với cùng kỳ năm 2025, tương ứng 2,5%) để chỉ đạo, đôn đốc, quán triệt triển khai công tác CCHC một cách đồng bộ, toàn diện. Theo đó, các bộ, ngành, địa phương đã đề ra **2.214** nhiệm vụ (giảm 1.495 nhiệm vụ so với cùng kỳ năm 2025, tương ứng 40,3%); trong đó các bộ, cơ quan ngang bộ đã đề ra **571** nhiệm vụ; Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố đã đề ra **1.643** nhiệm vụ. Thống kê kết quả thực hiện đến ngày 21/6/2026, các bộ, ngành Trung ương đã hoàn thành **224/571** nhiệm vụ, đạt tỷ lệ **39,23%** so với kế hoạch đề ra, thấp hơn **2,92%** so với cùng kỳ năm 2025 (06 tháng đầu năm 2025 đạt 42,15%); UBND các tỉnh, thành phố đã hoàn thành **756/1.643** nhiệm vụ, đạt tỷ lệ **46,01%** so với kế hoạch đề ra, cao hơn **0,96%** so với cùng kỳ năm 2025 (06 tháng đầu năm 2025 đạt 45,05%).

- **Về công tác thông tin, tuyên truyền, kiểm tra CCHC:** Theo thống kê², trong 06 tháng đầu năm 2026, các bộ, ngành, địa phương đã thực hiện hơn **42.000** tin, bài và hơn **1.100** phóng sự, chuyên đề về CCHC, qua đó tạo hiệu ứng tích cực trong xã

¹ Phiên họp lần thứ nhất ngày 25/02/2026; Phiên họp lần thứ hai ngày 28/3/2026; Phiên họp lần thứ ba ngày 11/5/2026; Phiên họp lần thứ tư ngày 23/6/2026.

² Theo dữ liệu thống kê, báo cáo của các bộ, ngành, địa phương trên Hệ thống thông tin báo cáo định kỳ của Bộ Nội vụ, tính đến ngày 21/6/2026.

hội. Các bộ, ngành³ đã tiến hành kiểm tra tại **58** cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc; đã xử lý và chỉ đạo xử lý đối với **05/05** vấn đề tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra, đạt tỷ lệ **100%**. Các địa phương đã tiến hành kiểm tra tại **286** cơ quan, đơn vị; đã xử lý và chỉ đạo xử lý đối với **129/207** nhóm vấn đề tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra, đạt tỷ lệ **62,32%**; qua đó kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, có giải pháp tháo gỡ, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Triển khai xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2025 và Chỉ số CCHC năm 2025

Bộ Nội vụ đã hoàn thành đo lường, xác định Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2025 (SIPAS), xác định Chỉ số CCHC năm 2025 (PAR Index) của các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND các tỉnh, thành phố và công bố Chỉ số SIPAS 2025, Chỉ số CCHC năm 2025. Chỉ số SIPAS năm 2025 trung bình cả nước đạt **83,09%**; mức độ hài lòng của người dân tại 34 tỉnh, thành phố trong khoảng từ **77,92%** đến **91,12%**. Chỉ số PAR Index năm 2025 của các bộ, cơ quan ngang bộ đạt trung bình **87,20%**; Chỉ số PAR Index cấp tỉnh đạt trung bình **89,96%**.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế

- Về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật: Trong 06 tháng đầu năm 2026, Quốc hội xem xét thông qua **09** luật⁴ và **31** nghị quyết⁵ (giảm 29 luật, giảm 13 nghị quyết so với cùng kỳ năm 2025); Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành **108** nghị quyết (giảm 10 nghị quyết so với cùng kỳ năm 2025); Chính phủ ban hành **217** nghị định, tăng **61** nghị định so với cùng kỳ năm 2025 (06 tháng đầu năm 2025 ban hành 156 nghị định); các Bộ đã ban hành theo thẩm quyền **400** thông tư, thông tư liên tịch, tăng **146** thông tư so với cùng kỳ năm 2025 (06 tháng đầu năm 2025 ban hành 254 thông tư); Hội đồng nhân dân và UBND cấp tỉnh đã ban hành **3.283** văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), tăng **176** VBQPPL so với cùng kỳ năm 2025.

- Công tác tổ chức theo dõi thi hành pháp luật: Các bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 08/01/2026 phê duyệt Kế hoạch theo dõi việc thi hành VBQPPL trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2026, với 02 lĩnh vực trọng tâm, ưu tiên, gồm: (i) lĩnh vực an toàn thực phẩm; (ii) lĩnh vực công tác chính sách đối với Quân đội, hậu phương quân đội. Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về VBQPPL tiếp tục được nâng cấp, hoàn thiện, trong 06 tháng đầu năm 2026, đã tiếp nhận **1.577** PAKN, đã xử lý **1.398** nội dung (chiếm 88,6%), đang thực hiện xử lý **179** nội dung (chiếm 11,4%).

³ Bộ Công an thực hiện kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại Bộ Công Thương và 04 địa phương: Hải Phòng, Đồng Nai, Nghệ An, Ninh Bình. Bộ Tư pháp thực hiện kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, điều kiện kinh doanh tại 03 địa phương: Hải Phòng, Hà Tĩnh, Huế,...

⁴ Gồm: Luật Thủ đô; Luật Tiếp cận thông tin; Luật Hộ tịch; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công chứng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.

⁵ Nội bật là: Bầu các chức danh lãnh đạo cấp cao (Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội,...) và phê chuẩn thành viên Chính phủ nhiệm kỳ 2026 - 2031; Nghị quyết về cơ cấu tổ chức Chính phủ khóa XVI; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công trung hạn 2026 - 2030 và Chương trình giám sát năm 2027,...

- **Về kiểm tra, rà soát VBQPPL:** Trong 06 tháng đầu năm 2026, Bộ Tư pháp đã tiếp nhận, phân loại để thực hiện kiểm tra đối với **982** văn bản, triển khai kiểm tra văn bản theo **04** chuyên đề⁶; theo đó đã có kết luận kiểm tra đối với 02 văn bản có quy định trái pháp luật. Theo thống kê của Bộ Tư pháp⁷, để thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của cơ quan hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, có tổng cộng khoảng **1.300** VBQPPL cần điều chỉnh liên quan đến chính quyền 03 cấp, trong đó **775** văn bản đã được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới (**114** luật, pháp lệnh, nghị quyết; **305** văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; **356** văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ). Các bộ, ngành⁸ đã tiến hành kiểm tra, rà soát, tổng hợp được **591** VBQPPL cần phải xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc công bố hết hiệu lực), giảm 504 văn bản so với cùng kỳ năm 2025, đến nay đã xử lý xong **522/591** văn bản, đạt tỷ lệ **88,32%**, tăng **9,69%** so với cùng kỳ năm 2025. Tại địa phương⁹, trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát đã tổng hợp được **9.051** VBQPPL cần phải xử lý (sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc công bố hết hiệu lực), tăng 5.194 văn bản so với cùng kỳ năm 2025, đến nay đã xử lý xong **7.174/9.051** văn bản, đạt tỷ lệ **79,26%**, tăng **15,25%** so với cùng kỳ năm 2025.

2. Cải cách TTHC

- **Về phân quyền, phân cấp việc thực hiện TTHC:** Thực hiện Kết luận số 18-KL/TW, Chính phủ đã ban hành **11** nghị quyết¹⁰ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và điều kiện kinh doanh (ĐKKD); tính đến ngày 13/6/2026, số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp bộ là **1.595/5.816** TTHC, chiếm **27,4%** (giảm 743¹¹ TTHC).

- **Về cắt giảm ngành, nghề kinh doanh:** Đến ngày 20/05/2026, đã cắt giảm hơn **28%** ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện so với Luật Đầu tư năm 2025 (bãi bỏ **56/198** ngành, nghề) và sửa đổi **14** ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện so với Luật Đầu tư năm 2025; so với Luật Đầu tư năm 2020, tổng số ngành, nghề kinh doanh có điều kiện đã được cắt giảm đạt **40%** (bãi bỏ **95/237** ngành, nghề).

- **Về cắt giảm TTHC, ĐKKD:** Đến ngày 13/6/2026, 11 nghị quyết của Chính phủ và thông tư của các bộ, ngành đã bãi bỏ 697 TTHC, đơn giản hóa 673 TTHC và cắt giảm 1.754 ĐKKD không cần thiết; tương ứng với cắt giảm **53%** thời gian thực hiện TTHC (51.247/96.675 ngày); cắt giảm **54,6%** chi phí tuân thủ TTHC so với năm 2024.

- **Kết quả đơn giản hóa TTHC nội bộ:** Đến nay, các bộ, cơ quan đã thực thi đối với **405/770** phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ (đạt **52,6%**). Trong đó, số TTHC nội bộ nhóm A được thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa là **216/770** TTHC (đạt **28,1%**), số TTHC nhóm B được thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa là **189/770** (đạt **24,5%**). Tính đến hết tháng 5/2026, các địa phương đã

⁶ Gồm: (i) văn bản liên quan đến doanh nghiệp, điều kiện đầu tư kinh doanh; (ii) văn bản liên quan đến lao động, bảo hiểm xã hội, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động; (iii) văn bản liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo; (iv) văn bản ban hành TTHC tại bộ, ngành và địa phương.

⁷ Tại Công văn số 4447/BTP-PLHSHC&QLXLVPHC ngày 19/6/2026 của Bộ Tư pháp: Số liệu thống kê đối với khối Chính phủ (đã tách số liệu văn bản của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

⁸ Chưa có số liệu thống kê của các Bộ, cơ quan: Ngoại giao, Văn phòng Chính phủ.

⁹ Chưa có số liệu thống kê của tỉnh Đắk Lắk.

¹⁰ Gồm: (1) Nghị quyết 17/2026/NQ-CP; (2) Nghị quyết 18/2026/NQ-CP; (3) Nghị quyết 19/2026/NQ-CP; (4) Nghị quyết 20/2026/NQ-CP; (5) Nghị quyết 21/2026/NQ-CP; (6) Nghị quyết 22/2026/NQ-CP; (7) Nghị quyết 23/2026/NQ-CP; (8) Nghị quyết 24/2026/NQ-CP; (9) Nghị quyết số 66.17/2026/NQ-CP; (10) Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP; (11) Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP.

¹¹ Gồm 362 TTHC đã phân quyền, phân cấp cho địa phương; bãi bỏ 381 TTHC.

thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa đối với **411** TTHC.

- **Kết quả thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu:** Tính đến ngày 10/6/2026, có **47** VBQPPL¹² được ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành để sửa đổi, bổ sung **74** VBQPPL nhằm thực thi Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP. Tổng số TTHC được tái cấu trúc tính đến hết ngày 10/6/2026 là **736/774**¹³ TTHC (đạt tỷ lệ **95,09%**). Đến hết ngày 10/06/2026, có **32/49** CSDL đã hoàn thành công bố thông tin CSDL được khai thác, sử dụng thay thế giấy tờ trong thành phần hồ sơ TTHC, tăng **23** CSDL so với quý I/2026.

- **Kết quả thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông:** Triển khai quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng DVC quốc gia (Nghị định số 118/2025/NĐ-CP), hiện nay, cả nước đã có **3.193** TTPVHCC cấp xã tại **33/34** địa phương đi vào hoạt động, cùng với 01 mô hình TTPVHCC một cấp tại thành phố Hà Nội. Tỷ lệ hồ sơ TTHC¹⁴ xử lý đúng hoặc trước hạn tại bộ, ngành đạt 99,63% và tại các địa phương là 98,07%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Trong 06 tháng đầu năm 2026, thể chế về tổ chức bộ máy tiếp tục được hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý cho việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Tính đến ngày 15/6/2026, Bộ Nội vụ đã có ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị định của **12** bộ, cơ quan ngang bộ¹⁵; đang thẩm định đối với dự thảo Nghị định của **01** bộ¹⁶; đang phối hợp, đôn đốc **01** bộ¹⁷ hoàn thiện dự thảo nghị định để gửi thẩm định theo quy định. Thủ tướng Chính phủ thống nhất với đề xuất của **03** bộ, cơ quan ngang bộ¹⁸ đề nghị tiếp tục thực hiện theo nghị định hiện hành. Đến nay, Chính phủ đã ban hành 02 nghị định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các bộ, cơ quan ngang bộ¹⁹. Để đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, Bộ Chính trị đã quyết định chuyển giao 05 cơ quan thuộc Chính phủ, gồm: Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam là đơn vị sự nghiệp của Ban Chấp hành Trung ương Đảng từ ngày 01/4/2026.

- **Về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền:** Tính đến ngày 30/4/2026, theo 30 nghị định chuyên đề về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền đã có **47/85** VBQPPL (**55,29%**) được sửa đổi, bổ sung với **300** nhiệm vụ,

¹² Gồm: 04 luật; 20 nghị định; 02 quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 21 thông tư.

¹³ Giảm 12 TTHC so với số lượng tại Phụ lục I Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ do một số TTHC bị trùng hoặc không có thành phần hồ sơ thay thế bằng dữ liệu: Bộ Dân tộc và Tôn giáo giảm từ 20 xuống 16; Bộ Tư pháp giảm từ 71 xuống 69; Bộ Y tế giảm từ 51 xuống 47; Bộ Xây dựng giảm từ 59 xuống 58; Bộ Nông nghiệp và Môi trường giảm từ 46 xuống 45 TTHC.

¹⁴ Theo Báo cáo của các bộ, ngành, địa phương tính đến ngày 14/6/2026.

¹⁵ Gồm: Bộ Ngoại giao; Bộ Nội vụ; Bộ Công Thương; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Xây dựng; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Y tế; Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Văn phòng Chính phủ.

¹⁶ Bộ Tài chính.

¹⁷ Bộ Tư pháp.

¹⁸ Gồm: Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Thanh tra Chính phủ.

¹⁹ Gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Văn phòng Chính phủ.

quyền hạn được điều chỉnh. Ngoài 85 VBQPPL cần được sửa đổi, bổ sung theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được điều chỉnh tại **30** nghị định chuyên đề về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, theo đề xuất của các bộ, cơ quan ngang bộ, có **16** VBQPPL khác cần sửa đổi, bổ sung trong năm 2026 để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật. Kết quả xử lý đối với **355** nhiệm vụ cần được hướng dẫn hoặc ban hành VBQPPL và **10** nhiệm vụ cần điều chỉnh thẩm quyền, đến nay, **10/10** nhiệm vụ hoàn thành điều chỉnh thẩm quyền giữa trung ương với địa phương hoặc giữa các cấp của chính quyền địa phương²⁰; **355/355** nhiệm vụ được các bộ, cơ quan hoàn thành việc hướng dẫn cụ thể các nội dung theo kiến nghị của địa phương (100%).

- Tổ chức bộ máy chính quyền địa phương các cấp được kiện toàn đồng bộ, vận hành ổn định, nề nếp, thông suốt, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố và giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của thôn, tổ dân phố; góp phần củng cố tổ chức tự quản ở cộng đồng dân cư, bảo đảm phù hợp với yêu cầu tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Về hoàn thiện thể chế quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức: Trong 06 tháng đầu năm 2026, Bộ Nội vụ đã trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành **11** nghị định, **01** nghị quyết, **02** quyết định, **02** chỉ thị, Bộ Nội vụ ban hành theo thẩm quyền **07** thông tư liên quan đến quản lý công chức, vị trí việc làm, đánh giá CBCCVC, tiền lương và một số chính sách có liên quan đến đội ngũ CBCCVC. Hiện nay, Bộ Nội vụ đã xây dựng dự thảo Nghị định về hợp đồng thực hiện công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập²¹ và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2025²² nhằm kịp thời thể chế hóa các quy định của luật, bảo đảm triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong thực tiễn.

- Về tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC: Công tác phát triển nguồn nhân lực được triển khai bài bản, gắn liền với yêu cầu thực tiễn của kỷ nguyên số. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 363/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài đối với Quân đội nhân dân Việt Nam. Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư số 01/2026/TT-BNV ngày 09/01/2026 hướng dẫn xếp lương đối với người được tuyển dụng vào công chức; tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các chính sách mang tính đặc thù như nâng cao tỷ lệ cán

²⁰ Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thành việc xử lý 06 nhiệm vụ; Bộ Xây dựng đã hoàn thành việc xử lý 03 nhiệm vụ; Bộ Khoa học và Công nghệ đã hoàn thành việc xử lý 01 nhiệm vụ.

²¹ Báo cáo số 4052/BC-BNV ngày 28/04/2026 của Bộ Nội vụ tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; Tờ trình số 4053/TTr-BNV ngày 28/4/2026 của Bộ Nội vụ.

²² Bộ Nội vụ đã xây dựng các dự thảo, lấy ý kiến các Bộ, ngành có liên quan (1) Nghị định quy định về vị trí việc làm viên chức (2) Nghị định quy định khung tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với đơn vị sự nghiệp công lập và viên chức.

bộ người dân tộc thiểu số giai đoạn 2025 - 2030²³ và Chỉ thị về đẩy mạnh bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCCVC²⁴.

- **Về xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia (CSDLQG) về CBCCVC:** Triển khai thực hiện Nghị định số 27/2026/NĐ-CP ngày 19/01/2026 quy định về CSDLQG về CBCCVC, đến ngày 21/6/2026 CSDLQG về CBCCVC đã được kết nối với **61/61** hệ thống quản lý CBCCVC của các bộ, ngành, địa phương; đã thực hiện thu thập, đồng bộ hơn **2,292** triệu dữ liệu hồ sơ CBCCVC theo mẫu Sơ yếu lý lịch quy định tại Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/5/2023 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của CSDLQG về CBCCVC trong các cơ quan nhà nước.

- **Về chính sách tiền lương:** Triển khai thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW về cải cách chính sách tiền lương, Bộ Nội vụ đang tham mưu triển khai sơ kết nhằm đánh giá toàn diện kết quả đạt được và đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 07/2026/NĐ-CP ngày 10/01/2026 sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ tiền lương đối với CBCCVC và lực lượng vũ trang; Nghị định số 161/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở mới đối với CBCCVC và lực lượng vũ trang²⁵; Nghị định số 199/2026/NĐ-CP ngày 05/6/2026 quy định chính sách hỗ trợ phục vụ đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và các chức danh, chức vụ theo cấp bậc hàm trong Công an nhân dân; các chức danh, chức vụ theo cấp bậc quân hàm trong Quân đội nhân dân; Nghị định số 162/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 về việc điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hằng tháng²⁶.

5. Cải cách tài chính công

- **Về thể chế quản lý tài chính - ngân sách nhà nước:** Từ đầu năm 2026 đến nay, hệ thống thể chế, chính sách về quản lý tài chính - ngân sách nhà nước tiếp tục được tập trung rà soát, hoàn thiện bảo đảm đồng bộ với các chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu CCHC trong giai đoạn mới. Chính phủ đã ban hành **28** nghị định, **02** nghị quyết; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành **06** quyết định, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành theo thẩm quyền **38** thông tư trong lĩnh vực quản lý tài chính - ngân sách nhà nước.

- **Về quản lý, sử dụng tài sản công:** Chính phủ đã ban hành Nghị định số 52/2026/NĐ-CP ngày 02/02/2026 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Nghị định số 55/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống

²³ Tờ trình số 12937/TTr-BNV ngày 31/12/2025 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án.

²⁴ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 22/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh bồi dưỡng và đánh giá kiến thức, kỹ năng số đối với CBCCVC.

²⁵ Mức lương cơ sở mới đối với CBCCVC và lực lượng vũ trang là 2.530.000 đồng/tháng, áp dụng từ ngày 01/7/2026.

²⁶ Theo Nghị định số 162/2026/NĐ-CP: (1) Từ ngày 01/7/2026, đề xuất tăng 4,5% và cộng thêm 200.000 đồng/tháng trên mức hưởng của tháng 6/2026 đối với các nhóm từ điểm a đến điểm g. Riêng các đối tượng tại điểm h, i và k, mức trợ cấp BHXH và trợ cấp hằng tháng được đề xuất tăng 8% từ cùng thời điểm. Ngoài ra, người đang hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp hằng tháng trước ngày 1/1/1995, sau điều chỉnh nếu vẫn thấp hơn 3,8 triệu đồng/tháng thì tiếp tục được tăng thêm: tăng 300.000 đồng/người/tháng với người có mức hưởng dưới 3,5 triệu đồng/tháng; hoặc nâng lên bằng 3,8 triệu đồng/tháng với người có mức hưởng từ 3,5 triệu đồng đến dưới 3,8 triệu đồng; (2) Từ ngày 1/7/2026, mức lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hằng tháng của các nhóm đối tượng nêu trên được đề xuất điều chỉnh tăng 8% so với mức hưởng của tháng 6/2026. Cùng với đó, nhóm hưởng trước ngày 1/1/1995 có mức thấp hơn 3,8 triệu đồng/tháng sau điều chỉnh cũng được bổ sung theo cơ chế tương tự phương án 1, nhằm thu hẹp khoảng cách mức hưởng.

lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 102/2021/NĐ-CP ngày 16/11/2021. Bộ Tài chính đã tổ chức 09 Đoàn công tác làm việc trực tiếp với 03 bộ, cơ quan trung ương và 06 địa phương²⁷ để rà soát, đánh giá tình hình thực hiện, giải quyết các khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện. 34/34 địa phương đã hoàn thành việc sắp xếp, xử lý đối với 25.885 cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm tất cả các cơ sở nhà, đất đều có chủ thể chịu trách nhiệm quản lý, vận hành.

- **Về giải ngân vốn đầu tư công:** Số giải ngân từ đầu năm đến hết ngày 11/6/2026 là 245.055,7 tỷ đồng, đạt 24,2% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Tính đến hết ngày 11/6/2026, so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, có 07 bộ, cơ quan và 16 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt từ mức bình quân chung cả nước²⁸ trở lên.

- **Về đổi mới cơ chế tài chính đối với cơ quan hành chính và ĐVSNCL:** Trong 06 tháng đầu năm 2026, các bộ, ngành, địa phương tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính. Đồng thời, đẩy mạnh thực hiện tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể ĐVSNCL.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- **Về hoàn thiện khung pháp lý, tạo điều kiện triển khai các nhiệm vụ về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số:** Chính phủ đã ban hành 12 nghị định, 03 nghị quyết; Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 19 quyết định; Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành 07 thông tư²⁹; theo đó, hành lang pháp lý cho xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số phục vụ quản lý điều hành, giải quyết công việc của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương và phục vụ người dân, doanh nghiệp từng bước hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu đổi mới của đất nước.

- **Về xây dựng nền tảng phát triển Chính phủ điện tử³⁰:** Đối với 12 CSDL trọng yếu (theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW³¹ và CSDL bản án, quyết định của Tòa án), có 07/12³² CSDL đã có nền tảng, đối soát với CSDL dân cư để làm sạch dữ liệu, đã kết nối, chia sẻ nội ngành và ngoại ngành, đồng bộ dữ liệu theo thời gian thực về Trung tâm dữ liệu quốc gia. Đối với 104 CSDL theo Nghị quyết số 11/NQ-CP³³, có 60/104 CSDL cơ bản hoàn thành, đã có nền tảng, hình thành tập trung và đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

²⁷ Gồm: Bộ Xây dựng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam, Cà Mau, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Quảng Ngãi, Huế, Đồng Nai.

²⁸ Gồm các bộ, ngành, địa phương: Ngân hàng Chính sách xã hội; Ngân hàng phát triển Việt Nam; Tổng Công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Ngoại giao; Bộ Công Thương; Hà Nội; Hà Tĩnh; Điện Biên; Lạng Sơn; Tây Ninh; Hải Phòng; Sơn La; Thái Nguyên; Quảng Ninh; Lai Châu; Cà Mau; Tuyên Quang; Đồng Nai; Gia Lai; Nghệ An; Lào Cai.

²⁹ Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Báo cáo.

³⁰ Theo Báo cáo số 1147/BC-BCA ngày 02/6/2026 của Bộ Công an về Tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 phục vụ Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 05/2026.

³¹ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

³² Gồm: CSDL quốc gia về tài chính (Bộ Tài chính); CSDL hộ tịch điện tử (Bộ Tư pháp); CSDL bản án, quyết định của Tòa án (Tòa án nhân dân tối cao); CSDL quốc gia về đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường); CSDL ngành nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường); CSDL ngành giáo dục và đào tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo); CSDL quốc gia về hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng).

³³ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Về xây dựng các hệ thống thông tin đổi mới lề lối, phương thức làm việc của cơ quan nhà nước:

+ *Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ (e-Cabinet)* tiếp tục phát huy hiệu quả, từ đầu năm 2026 đến nay đã phục vụ **07** hội nghị, phiên họp của Chính phủ, thực hiện xử lý **496** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ (giảm 2.694 phiếu so với cùng kỳ năm trước), thay thế khoảng **136** nghìn hồ sơ, tài liệu giấy (giảm 864 nghìn hồ sơ, tài liệu giấy so với cùng kỳ năm trước). Lũy kế đến nay, hệ thống đã phục vụ **220** hội nghị, phiên họp của Chính phủ và thực hiện xử lý **8.868** phiếu lấy ý kiến thành viên Chính phủ, thay thế khoảng **2,6** triệu hồ sơ, tài liệu giấy.

+ *Trực liên thông văn bản quốc gia*, từ ngày 01/01/2026 đến nay, có **11.397** văn bản gửi và **41.941** văn bản nhận thành công qua trực. Lũy kế đến nay có khoảng **66** triệu văn bản gửi, nhận qua Trực, tăng hơn **13,3** triệu văn bản so với cùng kỳ năm trước.

- Về xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tính đến hết tháng 05/2026 (Theo báo cáo của Bộ Tư pháp³⁴):

+ *Về cung cấp dịch vụ công trực tuyến*: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tại các bộ, ngành đạt **37,9%**; tại các địa phương đạt **93,57%**. Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến tại các bộ, ngành đạt **48,48%**, tại các địa phương đạt **92,84%**; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại các bộ, ngành đạt **30,24%**, tại các địa phương đạt **94,45%**.

+ *Về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC*: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt **19,23%**, tại các địa phương đạt **88,56%**; tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt **19,29%**, tại các địa phương đạt **88,62%**; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin dữ liệu số hóa tại các bộ, ngành đạt **5,92%**, tại các địa phương đạt **96,04%**.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác CCHC tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, quyết liệt và thống nhất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng các bộ, ngành, địa phương. Công tác CCHC đạt nhiều kết quả tích cực, toàn diện trên các lĩnh vực, nổi bật là cải cách thể chế, cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và triển khai Đề án 06.

- Thể chế hành chính nhà nước tiếp tục được rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện kịp thời, nhất là các quy định về tổ chức bộ máy và quản lý CBCCVC, bảo đảm đồng bộ với yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống hành chính các cấp và mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Đồng thời, góp phần tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh và chuyển đổi số quốc gia.

³⁴ Báo cáo số 373/BC-BTP ngày 29/5/2026 của Bộ Tư pháp về tình hình, kết quả cải cách thủ tục hành chính tháng 5 và nhiệm vụ trọng tâm tháng 6 năm 2026.

- Công tác cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, ĐKKD tiếp tục được đẩy mạnh gắn với tăng cường phân cấp, phân quyền trong giải quyết TTHC. Tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp tiếp tục được đổi mới theo hướng tăng cường tiếp nhận, giải quyết TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính, gắn với phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp DVC trực tuyến, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

- Các bộ, ngành, địa phương đã chủ động, tích cực triển khai các giải pháp hỗ trợ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm hoạt động thông suốt, hiệu quả, đồng thời mở rộng không gian phát triển và tạo động lực mới cho địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

- Hệ thống chính sách, pháp luật về tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong khu vực công tiếp tục được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu đổi mới, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Tồn tại, hạn chế

- Cơ chế, chính sách và quy định pháp luật trên một số lĩnh vực còn thiếu đồng bộ³⁵, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn, dẫn đến khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện; việc rà soát, sửa đổi, bổ sung một số quy định còn chưa kịp thời.

- Một số địa phương còn lúng túng, gặp khó khăn trong việc tiếp nhận và triển khai các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền; chưa thực sự chủ động nghiên cứu, nắm bắt đầy đủ quy định và quy trình thực hiện nên hiệu quả phát huy thẩm quyền được giao còn hạn chế. Đồng thời, một số quy định liên quan đến phân cấp, phân quyền vẫn còn bất cập, cần tiếp tục được rà soát, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn triển khai.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, nhất là hạ tầng CNTT tại nhiều xã mới sau sắp xếp vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; số lượng trụ sở dôi dư sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp còn lớn, việc xử lý, khai thác, sử dụng tại một số nơi chưa thực sự hiệu quả.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của một số bộ, ngành vận hành, kết nối với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của địa phương chưa ổn định, có lúc còn xảy ra lỗi trong quá trình xử lý công việc; hạ tầng CNTT chưa được nâng cấp kịp thời. Một số CSDL chưa bảo đảm yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống”, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu liên thông còn hạn chế; việc tái cấu trúc, sửa đổi quy trình nội bộ, quy trình điện tử để thực hiện TTHC còn chậm làm ảnh hưởng đến triển khai giải quyết TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính.

- Một bộ phận CBCCVC chưa chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ; còn tình trạng né tránh trách nhiệm, gây phiền hà, những nhiễu trong giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã giữa các địa phương còn chưa đồng đều; trong khi

³⁵ Kết quả kiểm tra, rà soát hệ thống VBQPPL cho thấy nhiều văn bản cần phải xử lý, đặc biệt là sau sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền,...

khối lượng công việc và yêu cầu quản lý, phục vụ người dân, doanh nghiệp ngày càng cao, vì vậy có lúc, có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Hiệu quả sử dụng ngân sách, vốn đầu tư công chưa cao; thực hiện tự chủ tài chính ĐVSNCN còn chậm, chưa đồng bộ giữa tự chủ nhiệm vụ, tổ chức, biên chế và tài chính; phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ chưa có bước chuyển biến mang tính đột phá.

- Việc số hóa dữ liệu lịch sử trước khi sắp xếp địa giới hành chính còn chậm; chưa kịp thời chuyển dịch dữ liệu từ hệ thống cũ sang hệ thống hợp nhất, dẫn đến việc phát sinh các TTHC phối hợp giữa các cơ quan trong việc xác nhận dữ liệu, kiểm tra thông tin, nhất là lĩnh vực đất đai khi thực hiện giữa các chi nhánh văn phòng đăng ký, các phường, xã, làm tăng thời gian giải quyết TTHC.

b) Nguyên nhân

- Người đứng đầu ở một số bộ, ngành, địa phương chưa thực sự quan tâm đúng mức, chưa trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác CCHC thuộc phạm vi quản lý; công tác lãnh đạo, chỉ đạo tại một số nơi còn thiếu quyết liệt, chậm đổi mới, chưa có nhiều giải pháp sáng tạo, hiệu quả triển khai chưa đáp ứng yêu cầu đề ra; việc thực hiện chế độ báo cáo của một số cơ quan, đơn vị chưa kịp thời, chưa bảo đảm yêu cầu, tiến độ³⁶.

- Quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy dẫn đến sự thay đổi đội ngũ công chức, viên chức tham mưu thực hiện công tác CCHC tại các bộ, ngành, địa phương. Việc bồi dưỡng, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ ở một số nơi chưa được thực hiện kịp thời, dẫn đến có thời điểm chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao.

- Công tác thanh tra, kiểm tra, thông tin, tuyên truyền về CCHC ở một số nơi chưa thực sự quyết liệt, hiệu quả chưa cao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC 06 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu các ngành, các cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện công tác CCHC. Quán triệt thực hiện nghiêm túc, thực chất các chủ trương, định hướng về CCHC tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng và các nghị quyết chuyên đề, chỉ thị, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Các bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện nghiêm, toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch CCHC nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 và Kế hoạch CCHC năm 2026 của bộ, ngành, địa phương bảo đảm hoàn thành 100% mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra, theo dõi, đánh giá thực hiện CCHC, kịp thời phát hiện và có biện pháp xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, giúp nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Chú trọng khảo sát sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, làm cơ sở cho việc hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng cung

³⁶ Một số bộ, ngành, địa phương như: Văn phòng Chính phủ; Bộ Ngoại giao; Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Bộ Quốc phòng; Bộ Công an; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Công Thương; Thanh tra Chính phủ; Đắk Lắk; Gia Lai; Phú Thọ; An Giang.

cấp DVC cho người dân, doanh nghiệp.

Trên cơ sở kết quả Chỉ số SIPAS 2025 và Chỉ số PAR Index 2025 được công bố, các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo rà soát, phân tích kết quả thực hiện các nội dung CCHC; từ đó, xác định rõ điểm mạnh, điểm yếu, nguyên nhân và trách nhiệm của từng cá nhân, tổ chức trong triển khai nhiệm vụ được giao; có giải pháp cụ thể nhằm khắc phục tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác CCHC.

2. Các bộ, ngành tập trung tham mưu, đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn về pháp luật đã được rà soát theo kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật; đồng thời triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Kết luận số 18-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội gắn với mục tiêu tăng trưởng “hai con số”. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các nghị quyết của Bộ Chính trị trên các lĩnh vực quản lý.

3. Tập trung rà soát, phê duyệt và thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC dựa trên dữ liệu. Triển khai thực hiện thực chất, có kết quả các nghị quyết của Chính phủ về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa TTHC và ĐKKD. Các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương hướng dẫn địa phương bố trí đầy đủ nguồn lực để tiếp nhận, tổ chức triển khai ngay các TTHC đã được phân cấp; đồng thời kịp thời tiếp nhận, xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, nhất là tại cấp xã, phường, đặc khu. Tổ chức triển khai hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định của Chính phủ.

Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc không ban hành thêm TTHC, ĐKKD hoặc các biện pháp quản lý làm gia tăng chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp sau khi đã thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa. Đồng thời, các bộ, ngành khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và biện pháp quản lý phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn Việt Nam; đẩy mạnh chuyển đổi phương thức quản lý từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, giảm tối đa chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp, đồng thời vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, an toàn, an ninh và không để phát sinh khoảng trống pháp lý, lỗ hổng trong quản lý.

4. Tiếp tục rà soát, sắp xếp tinh gọn các tổ chức bên trong của các bộ, cơ quan Trung ương và các sở, ngành ở địa phương; tinh gọn các ĐVSNCL, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi lãnh đạo, quản lý. Đẩy nhanh tiến độ rà soát, hoàn thiện phương án sắp xếp thôn, tổ dân phố gắn với việc tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; thực hiện đồng bộ việc bố trí, sử dụng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu quản lý trong tình hình mới theo Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.

Tổ chức triển khai thực hiện Kết luận số 40-KL/TW ngày 02/6/2026³⁷ của Bộ Chính trị; trên cơ sở đó, tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế từ 5 - 10% theo yêu cầu

³⁷ Kết luận số 40-KL/TW ngày 02/6/2026 của Bộ Chính trị về bổ sung, sửa đổi Quy định về quản lý biên chế của hệ thống chính trị; giao biên chế của hệ thống chính trị năm 2026 và định hướng giai đoạn 2027 - 2031.

của Kết luận, gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC và sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm sử dụng hiệu quả biên chế được giao, đáp ứng yêu cầu xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Trên cơ sở kết quả sơ kết 01 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục hoàn thiện các quy định về tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và cơ chế phối hợp giữa các cấp chính quyền; kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định còn bất cập, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn, bảo đảm tổ chức bộ máy hoạt động thông suốt, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Thực hiện việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước, sắp xếp tinh gọn các tổ chức bên trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị theo đúng chỉ đạo tại Văn bản số 59-CV/BCĐ của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW và Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025 về sắp xếp ĐVSNNCL, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước.

5. Tập trung triển khai thực hiện nghiêm, hiệu quả Luật Cán bộ, công chức năm 2025, Luật Viên chức năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các địa phương khẩn trương kiện toàn vị trí cán bộ, công chức còn thiếu, bảo đảm số lượng, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, kịp thời đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cán bộ, bảo đảm bộ máy chính quyền 02 cấp vận hành thông suốt, hiệu quả. Thực hiện nghiêm Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách mới về thu hút và trọng dụng nhân tài vào trong bộ máy hành chính, đổi mới phương thức đánh giá CBCCVC dựa trên năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ.

6. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; đổi mới thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại ĐVSNNCL theo quy định của Chính phủ; tăng cường xã hội hóa DVC với các giải pháp hiệu quả thiết thực. Các bộ, ngành, địa phương có liên quan khẩn trương hoàn thiện quy hoạch tỉnh, xã, đặc khu; tiếp tục rà soát, sắp xếp, quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả tài sản công, đề xuất Chính phủ phương án xử lý và tiến độ xử lý đối với các cơ sở vật chất, tài sản công dôi dư, tránh thất thoát, lãng phí, bảo đảm nguồn lực được sử dụng đúng mục đích, hiệu quả.

7. Tập trung triển khai có hiệu quả nhiệm vụ chuyển đổi số theo yêu cầu tại các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các kế hoạch, chương trình hành động của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Khẩn trương xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các bộ, ngành theo mô hình tập trung, kết nối tích hợp với Cổng DVC quốc gia, gắn với Trung tâm dữ liệu quốc gia; nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp DVC trực tuyến.

Trên đây là báo cáo tóm tắt tình hình thực hiện công tác CCHC 06 tháng đầu năm 2026. Bộ Nội vụ kính trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Hồi